

Số: 235 /TB-TTKN-CNKN

Hà Nội, ngày 22 tháng 3 năm 2025

THÔNG BÁO
V/v duy trì chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia

Kính gửi: Công ty TNHH Uni-President Việt Nam

Sau khi tiến hành đánh giá duy trì chứng nhận sự phù hợp đối với 14 sản phẩm thức ăn hỗn hợp có tên tại công văn số UPVN/NCTS/03-2025-02 ngày 10/3/2025 và Đơn đăng ký chứng nhận sản phẩm ngày 10/3/2025 của Công ty TNHH Uni-President Việt Nam. Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản nhận thấy quý Công ty tiếp tục duy trì quản lý chất lượng sản phẩm, kết quả thử nghiệm mẫu phù hợp với yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật áp dụng. Hồ sơ đánh giá của Công ty đã được xem xét và chuẩn y việc duy trì chứng nhận 14 sản phẩm nêu trên tại Phụ lục 1, 2 ban hành kèm theo Thông báo này.

Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản thông báo để Công ty biết. Chúc quý Công ty đạt nhiều thành công hơn nữa trong hoạt động sản xuất kinh doanh hiện nay và trong thời gian tới.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở NN&MT tỉnh Bình Dương;
- Giám đốc (b/c);
- Trung tâm Vùng II;
- Văn phòng Trung tâm (BBT Website);
- Lưu: VT, CNKN.



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Lê Văn Yên

PHỤ LỤC 2
KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM SẢN PHẨM CHỨNG NHẬN HỢP QUY
(Kèm theo Thông báo số /TB-TTKN-CNKN ngày tháng năm 2025
của Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản)

Thức ăn hỗn hợp

STT	Tên sản phẩm	Mã số hợp quy	Phòng thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm			
				Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kết quả	Phương pháp
1	Thức ăn hỗn hợp cho tôm thẻ nhàn hiệu LAONE mã số D880	HQ.05.0.20.00691	Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng I	Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	<0,6	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	<0,15	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	<0,1	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
2	Thức ăn hỗn hợp cho tôm thẻ nhàn hiệu LAONE mã số D881	HQ.05.0.20.00691		Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	<0,6	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	0,3	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
3	Thức ăn hỗn hợp cho tôm thẻ nhàn hiệu LAONE mã số D882	HQ.05.0.20.00691		Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	<0,6	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	<0,15	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	<0,05	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	0,3	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017



STT	Tên sản phẩm	Mã số hợp quy	Phòng thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm			
				Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kết quả	Phương pháp
4	Thức ăn hỗn hợp cho tôm thẻ nhân hiệu LAONE mã số D883	HQ.05.0.20.00691	Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng I	Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	<0,6	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	0,3	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
5	Thức ăn hỗn hợp cho tôm thẻ nhân hiệu LAONE mã số D884	HQ.05.0.20.00691		Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	<0,6	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	<0,15	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	<0,05	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	0,3	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
6	Thức ăn hỗn hợp cho tôm thẻ nhân hiệu LAONE mã số D885	HQ.05.0.20.00691		Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	<0,15	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	0,3	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
7	Thức ăn hỗn hợp cho tôm thẻ nhân hiệu HI-AQUA mã số Q190	HQ.05.0.20.00691		Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	<0,6	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	<0,15	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	<0,05	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	<0,1	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

STT	Tên sản phẩm	Mã số hợp quy	Phòng thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm			
				Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kết quả	Phương pháp
8	Thức ăn hỗn hợp cho tôm thẻ nhân hiệu HI-AQUA mã số Q191	HQ.05.0.20.00691	Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng I	Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	<0,6	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	<0,15	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	0,1	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
9	Thức ăn hỗn hợp cho tôm thẻ nhân hiệu HI-AQUA mã số Q192	HQ.05.0.20.00691		Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	0,3	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
10	Thức ăn hỗn hợp cho tôm thẻ nhân hiệu HI-AQUA mã số Q193	HQ.05.0.20.00691		Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	0,2	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
11	Thức ăn hỗn hợp cho tôm thẻ nhân hiệu HI-AQUA mã số Q194	HQ.05.0.20.00691		Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	<0,6	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	<0,15	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	0,3	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

STT	Tên sản phẩm	Mã số hợp quy	Phòng thử nghiệm	Kết quả thử nghiệm			
				Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kết quả	Phương pháp
12	Thức ăn hỗn hợp cho tôm thẻ nhân hiệu HI-AQUA mã số Q195	HQ.05.0.20.00691	Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định nuôi trồng thủy sản Vùng I	Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	KPH	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	0,2	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
13	Thức ăn hỗn hợp cho Éch nhân hiệu UP mã số E502	HQ.05.0.24.03382-8		Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	<0,15	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	<0,05	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	KPH	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017
14	Thức ăn hỗn hợp cho cá rô đồng nhân hiệu UP mã số D2000	HQ.05.0.23.00660-10		Asen (As) vô cơ	mg/kg (LOQ=0,9)	KPH	EN 16278:2012
				Chì (Pb)	mg/kg (LOQ=0,6)	KPH	TCVN 9588:2013
				Cadimi (Cd)	mg/kg (LOQ=0,15)	KPH	TCVN 9588:2013
				Thủy ngân (Hg)	mg/kg (LOQ=0,05)	<0,05	EN 16277:2012
				Aflatoxin B1	µg/kg (LOQ=1,0)	KPH	TCVN 9126:2011
				Ethoxyquin	mg/kg (LOQ=0,1)	<0,1	AOAC 996.13
				Salmonella spp.	/25g	KPH	TCVN 10780-1:2017

Ghi chú: KPH – Không phát hiện

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC SẢN PHẨM CHỨNG NHẬN HỢP QUY
(Kèm theo Thông báo số /TB-TTKN-CNKN ngày tháng năm 2025
của Trung tâm Khảo nghiệm, Kiểm nghiệm, Kiểm định thủy sản)

Thức ăn hỗn hợp

STT	Tên sản phẩm	Mã số hợp quy	Địa điểm sản xuất	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phù hợp
1	Thức ăn hỗn hợp cho tôm thẻ nhãn hiệu LAONE mã số D880	HQ.05.0.20.00691	- Địa điểm 1: Công ty TNHH Uni-President Việt Nam. Số 16-18-20, Đường ĐT 743, KCN Sóng Thần 2, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam; - Địa điểm 2: Chi nhánh Công ty TNHH Uni-President Việt Nam tại Tiền Giang. Lô 03, KCN Mỹ Tho, tỉnh lộ 864, ấp Bình Tạo, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam; - Địa điểm 3: Chi nhánh Công ty TNHH Uni-President Việt Nam tại Quảng Nam. Lô số 14, KCN Điện Nam-Điện Ngọc, phường Điện Nam Bắc, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam, Việt Nam.	QCVN 02-31-1:2019/BNNPT NT
2	Thức ăn hỗn hợp cho tôm thẻ nhãn hiệu LAONE mã số D881	HQ.05.0.20.00691		
3	Thức ăn hỗn hợp cho tôm thẻ nhãn hiệu LAONE mã số D882	HQ.05.0.20.00691		
4	Thức ăn hỗn hợp cho tôm thẻ nhãn hiệu LAONE mã số D883	HQ.05.0.20.00691		
5	Thức ăn hỗn hợp cho tôm thẻ nhãn hiệu LAONE mã số D884	HQ.05.0.20.00691		
6	Thức ăn hỗn hợp cho tôm thẻ nhãn hiệu LAONE mã số D885	HQ.05.0.20.00691		
7	Thức ăn hỗn hợp cho tôm thẻ nhãn hiệu HI-AQUA mã số Q190	HQ.05.0.20.00691		
8	Thức ăn hỗn hợp cho tôm thẻ nhãn hiệu HI-AQUA mã số Q191	HQ.05.0.20.00691		
9	Thức ăn hỗn hợp cho tôm thẻ nhãn hiệu HI-AQUA mã số Q192	HQ.05.0.20.00691		
10	Thức ăn hỗn hợp cho tôm thẻ nhãn hiệu HI-AQUA mã số Q193	HQ.05.0.20.00691		
11	Thức ăn hỗn hợp cho tôm thẻ nhãn hiệu HI-AQUA mã số Q194	HQ.05.0.20.00691		
12	Thức ăn hỗn hợp cho tôm thẻ nhãn hiệu HI-AQUA mã số Q195	HQ.05.0.20.00691		



STT	Tên sản phẩm	Mã số hợp quy	Địa điểm sản xuất	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia phù hợp
13	Thức ăn hỗn hợp cho Éch nhãn hiệu UP mã số E502	HQ.05.0.24.03382-8	- Địa điểm 1: Công ty TNHH Uni-President Việt Nam. Số 16-18-20, Đường ĐT 743, KCN Sóng Thần 2, phường Dĩ An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam; - Địa điểm 2: Chi nhánh Công ty TNHH Uni-President Việt Nam tại Tiền Giang. Lô 03, KCN Mỹ Tho, tỉnh lộ 864, ấp Bình Tạo, xã Trung An, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang, Việt Nam	QCVN 02-31-1:2019/BNNPT NT
14	Thức ăn hỗn hợp cho cá rô đồng nhãn hiệu UP mã số D2000	HQ.05.0.23.00660-10		